

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 24/2021/DS-PT

Ngày: 22/10/2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Văn Can

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ; Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/9 và ngày 22/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2021/DSPT ngày 30/6/2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1965

Trú tại: T. T, thị trấn Đ.N, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn: bà **Nguyễn Thị KT**, sinh năm 1972

Trú tại: Xóm 5, thôn HT, xã T. Sơn, huyện Lương Sơn, Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của TAND huyện Lương Sơn thì nội dung vụ kiện như sau:

Bà Lan trình bày: Bà Hoàng Thị L đã nhiều lần cho bà Nguyễn Thị KT vay tiền và bà T đều trả đầy đủ. Ngày 12/7/2019 bà L tiếp tục cho bà T vay 120.000.000 đồng, hai bên lập Giấy vay tiền có ghi thời hạn vay từ ngày 12/7/2019 đến 12/9/2019, về phần lãi không ghi nhưng có thỏa thuận là 4,5%/ tháng. Đến hạn bà T chưa trả gốc mà trả được 05 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng. Ngày 12/12/2019 bà T lại vay tiếp bà L 30.000.000 đồng, có lập Giấy vay tiền không ghi thời hạn trả, không ghi phần lãi nhưng có thỏa thuận lãi là 4,5%/tháng vay nóng 01 tháng. Kể từ tháng 01/2020 bà L đã gọi điện thoại nhiều lần cho bà T yêu cầu trả nợ nhưng bà T không nghe điện thoại. Đến tháng 5/2020 bà L có đơn gửi Phòng giáo dục huyện Lương Sơn và Trường tiểu học LS nơi bà T công tác để yêu cầu bà T trả nợ

cho mình. Tuy nhiên bà T không trả, vì vậy bà L đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Nguyễn Thị KT phải trả cho bà hai khoản tiền sau:

- Khoản vay ngày 12/7/2019: trả gốc 120.000.000 + lãi 39.000.000đồng (13 tháng từ ngày 12/7/2019 đến 12/01/2021. Trừ số lãi đã trả được 5 tháng x 4,5%/tháng = 27.000.000đồng)

- Khoản vay ngày 12/12/2019: tiền gốc 30.000.000đồng + lãi 9.750.000đồng (13 tháng từ ngày 12/12/2019 đến 12/01/2021). Tổng cộng là: 198.750.000 đồng

Bà Nguyễn Thị KT trình bày: Năm 2018 bà có vay của bà L 60.000.000 đồng, khi vay bà L yêu cầu phải ghi giấy vay là 120.000.000 đồng, vì cần tiền nên bà đồng ý ghi nợ 120.00.000 đồng. Quá trình vay, đến tháng 6/2019 bà đã trả cho bà L 40.000.000đồng, khi đó bà L đã trả lại bà Giấy vay tiền khoản 120.000.000 đồng và yêu cầu bà viết lại giấy và ghi nợ 60.000.000 đồng. Không hiểu sao bà L không nộp cho Tòa án tờ giấy ghi 60.000.000 đồng mà lại nộp tờ giấy ghi 120.000.000đồng. Trong giấy vay không ghi lãi xuất nhưng có thỏa thuận miệng về lãi xuất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Vì bà T không trả được số tiền 60.000.000 đồng nên đến ngày 12/12/2019, bà L chốt lãi 6 tháng là 30.000.000 đồng và yêu cầu bà ghi giấy nợ 30.000.000 đồng, số tiền này không có lãi và không ghi thời hạn trả. Khoảng tháng 1 năm 2020, bà L có gọi điện đòi bà nhưng bà không có tiền trả. Đến khoảng tháng 5 năm 2020 bà L có đơn đề nghị trường tiểu học LS nơi bà Công tác và phòng giáo dục huyện Lương Sơn yêu cầu bà trả 150.000.000 đồng. Nay bà L đề nghị bà trả 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi xuất theo pháp luật bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả bà L 90.000.000 đồng và lãi xuất theo quy định pháp luật.

- Bà L có xuất trình 02 Giấy vay tiền đề ngày 12/7/2019 và Giấy vay tiền đề ngày 12/12/2019. Giấy vay tiền ghi ngày 12/12/2019 không ghi thời hạn trả.

- Bà T không công nhận giấy vay tiền ngày 12/7/2019 là của bà nên ngày 19/02/2021, bà T có đơn đề nghị giám định chữ viết và chữ ký. Tòa án đã có văn bản yêu cầu bà T nộp tạm ứng chi phí Giám định chữ viết. Bà T đã nhận thông báo nhưng đến hạn không nộp chi phí giám định. Tại phiên tòa bà T xác nhận không có tiền nộp chi phí giám định nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại Phòng Giáo dục huyện Lương Sơn, thì được biết. Ngày 25/5/2020 bà Hoàng Thị L có đơn yêu cầu gửi phòng giáo dục đề nghị bà T trả nợ cho bà L số tiền là 150.000.000 đồng.

Quá trình hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, bà T và bà L đều giữ nguyên quan điểm, riêng phần lãi cả hai bên đều đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/DSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã quyết định. Áp dụng: Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện các “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

-Buộc bà Nguyễn Thị KT phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 179.457.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn). Trong đó nợ gốc là 132.960.000 đồng; nợ lãi là 46.497.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị KT phải chịu 8.973.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, biện pháp đảm bảo thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2021 Bà Nguyễn Thị KT kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong các đơn bà Hoàng Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bà T trả nợ số tiền đã vay của 2 khoản, tiền gốc là 150.000.000 đồng và đề nghị tính lãi theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị KT không đồng ý trả bà L 150.000.000đồng, bà chỉ xác nhận nợ bà L 2 khoản là 90.000.000đồng, đề nghị tính lãi theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng của hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của bà T trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

-Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị KT đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/DSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu, bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ và kết quả giám định giấy vay nợ mà cấp phúc thẩm đã tiến hành, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới, do vậy không có cơ sở xem xét kháng cáo của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị KT, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các bên đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Quan hệ pháp luật tranh chấp theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay không kỳ hạn có lãi và vay có kỳ hạn có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và điều 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị L xuất trình căn cứ khởi kiện là 02 giấy vay tiền mặt, bản gốc có đủ chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị KT, cụ thể: Giấy ghi ngày 12/7/2019 bà T vay bà L số tiền là 120.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 12/7/2019 đến 12/9/2019, không ghi lãi xuất. Hai bên khai tại Tòa có thỏa thuận lãi ngoài: bà L khai lãi là 4,5%/ tháng, còn bà T khai lãi 3000 đồng/1 ngày/1 triệu. Giấy ghi ngày 12/12/2019, bà T vay bà L số tiền 30.000.000 đồng không thời hạn, không lãi xuất. Quá trình giải quyết bà L khai thỏa thuận lãi ngoài là 4,5%/ tháng, còn bà T khai số tiền này không có lãi.

Tòa xét: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, các giấy vay nợ được lập ngày 12/7/2019 và ngày 12/12/2019, đều ghi đầy đủ, rõ ràng, không bị tẩy xóa họ tên địa chỉ người vay và người cho vay; số tiền vay bằng số và bằng chữ; có đầy đủ chữ viết và chữ ký, có xác nhận đã nhận đủ tiền của người vay tiền là bà Nguyễn Thị KT; các giấy vay tiền không vi phạm điều cấm của Luật. Do vậy Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, các bên có tranh chấp phải giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bà T khai năm 2018, bà có vay bà L số tiền 60.000.000 đồng nhưng do cần tiền nên bà L bảo bà ghi thành 120.000.000 đồng bà đồng ý, tháng 6/2019 bà đã trả được 40.000.000đồng, bà L đồng ý cho bà ghi lại giấy khác là 60.000.000 đồng. Còn số tiền 30.000.000đồng trong giấy ghi ngày 12/12/2019 là tiền lãi của khoản 60.000.000đồng. Tuy nhiên bà T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho quan điểm của mình, nên Tòa án không có căn cứ để xem xét. Căn cứ vào hai giấy vay tiền lập ngày 12/7/2019 và ngày 12/12/2019, Hội đồng xét xử xác định thì bà T còn nợ bà L 150.000.000 đồng tiền gốc. Đến hạn bà T không trả được gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 BLDS. Cụ thể như sau:

[2.1]. Về khoản vay 120.000.000 đồng:

Trong giấy vay tiền mặt đề ngày 12/7/2019 bà T đã ký xác nhận vay tiền ngày 12/7/2019, thời hạn vay đến 12/12/2019, không ghi lãi nhưng có thỏa thuận ngoài. Bà L cho rằng bà T chưa trả được khoản tiền gốc nào, bà T cho rằng cuối tháng 6/2019 bà đã trả được 40.000.000đồng. Nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ đã trả tiền cho bà L. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền ngày 12/7/2019 để giải quyết và xác định quan hệ vay nợ giữa hai bên thuộc trường hợp vay có kỳ hạn, có lãi, đến hạn bà T không trả được nợ cho bà L, căn cứ vào Điều 466 BLDS buộc bà Nguyễn Thị KT phải trả bà Hoàng Thị L số tiền gốc là 120.000.000đồng.

-Về phần lãi xuất: Bà L khai cho bà T vay với lãi xuất 4,5%/ tháng, bà T khai lãi xuất 3000 đồng/triệu/1 ngày, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà L cho vay với lãi xuất 3000đồng/ngày/1 triệu. Thực tế bà L khai đã nhận 5 tháng tiền lãi của bà T là 27.000.000đồng; $(120.000.000\text{đồng} \times 4,5\% / \text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 27.000.000 \text{ đồng})$, số tiền này phù hợp với lãi xuất 4,5%/ tháng . Như vậy mức lãi xuất 4,5%/ tháng được coi là sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên lãi xuất

bà L đưa ra 4,5% / tháng là quá cao so với quy định pháp luật. Căn cứ theo Điều 468 BLDS thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất nhưng không được vượt quá 20% năm của khoản vay. Do vậy Tòa án chỉ chấp nhận áp dụng mức lãi xuất cho các đương sự trong khoản vay trên là 20%/năm, tương đương 1,66%/ tháng.

- Trong giấy vay ghi thời hạn từ 12/7/2019 đến 12/10/2019. Tuy nhiên do bà T trả lãi được 5 tháng. Do vậy thời gian tính lãi trong hạn tính từ ngày 12/7/2019 đến 12/12/2019 (5 tháng) và số lãi là $120.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 5 \text{ tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$.

Xác nhận bà L đã nhận của bà T 27.000.000đồng tiền lãi trong 5 tháng. Như vậy số tiền lãi bà L đã nhận vượt quá quy định pháp luật là: $27.000.000đồng - 9960.000đồng = 17.040.000đồng$. Số tiền này được trừ vào tiền gốc: $120.000.000đồng - 17.040.000đồng = 102.960.000đồng$

Như vậy tiền gốc bà T còn nợ bà L là 102.960.000đồng.

-Bà T vay khoản vay trên có thời hạn, khi thời hạn cho vay đã hết bà T chưa trả gốc nên bà L có quyền yêu cầu được chuyển sang lãi quá hạn và được chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 466 BLDS. Mức lãi xuất quá hạn được áp dụng tối đa không được vượt quá 150% lãi xuất trong hạn do các bên thỏa thuận do vậy mức lãi xuất được áp dụng tối đa cho bà L là 30%/năm tương đương 2,5%/ tháng.

Trong giấy vay tiền ghi ngày 12/7/2019, thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày vay. Đến hạn bà T không trả gốc nhưng bà L xác nhận bà T có trả lãi cho bà L được 05 tháng, (đến ngày 12/12/2019). Như vậy thời gian tính lãi quá hạn được tính từ ngày 12/12/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là 17 tháng 07 ngày (bà L nhất trí làm tròn 17 tháng)

Như vậy tiền lãi bà T phải trả là: $102.960.000đồng \times 2,5\%/ \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 43.758.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền phải trả là: gốc 102.960.000 đồng + lãi là 43.758.000 đồng = 146.718.000 đồng.

[2.2] Đối với khoản vay 30.000.000đồng ghi ngày 12/12/2019

-Trong giấy vay tiền ghi ngày 12/12/2019, bà T ký nhận vay là 30.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả, không ghi lãi xuất. Đến tháng 01/2020 bà L gọi điện thoại đòi tiền nhưng bà T không nghe máy nên đến tháng 5/2020 bà L có đơn đề nghị Trường Tiểu học LS và phòng Giáo dục huyện Lương Sơn đề nghị can thiệp buộc bà T phải trả tiền cho bà. Bà T cũng xác nhận có việc này. Như vậy bà L đã báo cho bà T một thời gian hợp lý. Căn cứ Điều 469 và Điều 466 BLDS, buộc bà Nguyễn Thị KT phải trả nợ gốc số tiền 30.000.000đồng cho bà Hoàng Thị L.

-Về lãi xuất : Trong giấy vay tiền không ghi lãi xuất. Tuy nhiên bà L khai lãi thỏa thuận ngoài là 4,5%/ tháng, bà T khai không có lãi. Thực tế bà T cũng chưa trả lãi cho bà L, hai bên không đưa ra được chứng cứ xác định vay có lãi. Do vậy Hội đồng xét xử coi đây là hợp đồng vay không có lãi nên áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi, cụ thể lãi xuất là 10%/năm, tương đương 0,83%/ tháng. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn bà L đã báo trước thời gian hợp lý, hai bên không

có thỏa thuận khác nên thời gian chậm trả tính từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 24 ngày (bà L nhất trí làm tròn 11 tháng). Vậy số tiền lãi bà T còn phải trả cho bà L là :

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 2.739.000 \text{ đồng}.$

Tổng khoản vay phải trả là gốc 30.000.000 đồng + lãi 2.739.000 đồng = 32.739.000 đồng

Cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà Nguyễn Thị KT phải trả là Hoàng Thị L tổng cả hai khoản vay là: 179.457.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 132.960.000 đồng; nợ lãi là 46.497.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, với những căn cứ nêu trên yêu cầu của bà L về việc buộc bà T phải trả hai khoản vay với số tiền gốc 150.000.000 đ và trả lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã tính toán và xác định số tiền lãi của từng khoản vay theo đúng quy định của pháp luật, mức lãi suất theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, số tiền lãi bà L nhận quá được khấu trừ vào tiền gốc, thời gian tính từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm, tổng cộng bà L còn phải trả là 179.457.000 đồng là đúng, đủ, không có căn cứ để xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/9/2021 bà Nguyễn Thị KT không công nhận giấy vay tiền ngày 12/7/2019 là do bà viết và có đơn đề nghị giám định chữ viết và chữ ký. Tòa phúc thẩm căn cứ khoản 2 điều 102, điểm c khoản 1 điều 259, điều 304 BLTTDS quyết định tạm ngừng phiên tòa và Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tại văn bản nêu trên. Tại kết luận giám định số 287/KLGĐ/CAT-PC09 ngày 9/10/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: “Chữ ký, chữ viết mực màu xanh trên giấy vay tiền đề ngày 12/7/2019 với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị KT...do cùng một người ký và viết ra”. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị KT đã vay và nhận số tiền 120.000.000 đồng của bà Hoàng Thị L, đồng thời buộc bà phải trả cho bà Lan số tiền trên là có căn cứ. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị KT cần giữ nguyên các quyết định tại bản án sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

[3]Về kháng cáo không nộp án phí của Bà Nguyễn Thị KT: Tòa xét, Vì yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận, do vậy theo quy định tại khoản 1 điều 147 BLTTDS bà phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của bà không được cấp phúc thẩm chấp nhận, do vậy theo quy định tại khoản 1 điều 148 BLTTDS bà phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Theo quy định tại điều 160, điều 161 BLTTDS bà Nguyễn Thị KT phải chịu lệ phí giám định là 3.888.750 đồng được trừ vào số tiền bà đã nộp tại phòng KTHS Công an tỉnh Hòa Bình ngày 29/9/2021.

Các nội dung khác của Bản án DSST không có kháng cáo, kháng nghị có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 148, điều 160, điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị KT, giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm số 01/DSST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Cụ thể: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện các “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị KT phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 179.457.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 132.960.000 đồng; nợ lãi là 46.497.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị KT phải chịu lệ phí giám định là 3.888.750 đồng, được trừ vào số tiền bà đã nộp tại phòng KTHS, Công an tỉnh Hòa Bình ngày 29/9/2021.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị KT phải chịu 8.973.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0005790 ngày 14/6/2021 của Chi cục thi hành án huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Hoàn trả bà Hoàng Thị L số tiền 5.500.000đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn theo biên lai số AA/2017/0002701 ngày 26/11/2020.

Các nội dung khác của Bản án DSST không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại HN
- VKSND tỉnh HB;
- TAND h.Lương Sơn;
- CCTHA h.Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Văn Can

